

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỒ SƠ TỰ CÔNG BỐ
SẢN PHẨM: BIA OVER 999

Tên cơ sở: Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hương Sen

Địa chỉ: Số 18, Phố Trần Thái Tông, Phường Thái Bình, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Điện thoại: 0227 3831010, Fax: 0227 3831231

Thành phần hồ sơ:

1. Bản tự công bố sản phẩm.
2. Bảng yêu cầu kỹ thuật của sản phẩm.
3. Mẫu nhãn sản phẩm dự kiến.
4. Kết quả kiểm nghiệm sản phẩm.

Hưng Yên, ngày 06 tháng 7 năm 2026



BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 04-BIA/HUONGSEN/2026

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên cơ sở: Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hương Sen

Địa chỉ: Số 18, Phố Trần Thái Tông, Phường Thái Bình, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

Điện thoại: 0227 3831010, Fax: 0227 3831231

Mã số doanh nghiệp: 1000214733

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: BIA OVER 999

2. Thành phần: Nước, malt đại mạch, ngũ cốc và hoa bia

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm:

- Đối với Bia chiết lon (keng) 1lít, 2 lít đã qua thanh trùng: Hạn sử dụng 09 tháng kể từ ngày sản xuất.

- Đối với Bia chiết chai pét đã qua thanh trùng: Hạn sử dụng 02 tháng kể từ ngày sản xuất.

- Đối với Bia chiết chai pét không qua thanh trùng: Hạn sử dụng 45 ngày kể từ ngày sản xuất.

- Đối với Bia lon thanh trùng: Hạn sử dụng 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

Hạn sử dụng ghi trên thân chai, nhãn của sản phẩm, dưới đáy hoặc trên nắp của lon

4. Hướng dẫn sử dụng và bảo quản:

- Sử dụng trực tiếp, uống ngon hơn ở nhiệt độ từ 8°C - 10°C.

- Bảo quản: - Đối với Bia chiết không qua thanh trùng: Bảo quản lạnh ở nhiệt độ từ 0°C - 5°C.

- Đối với Bia chiết qua thanh trùng: Bảo quản ở nơi khô ráo và thoáng mát, tránh ánh nắng mặt trời.

5. Cảnh báo: Phụ nữ có thai, đang cho con bú, người dưới 18 tuổi và lái xe không được uống. Uống có kiểm soát.

6. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì: Sản phẩm đóng chai nhựa, chai thủy tinh, keg hoặc lon (keng) kim loại phù hợp với yêu cầu về ATVSTP. Thể tích từ 250ml đến 50 lít ở 20°C. Khi vận chuyển được đóng trong thùng carton, khay giấy carton có màng bao ngoài hoặc trong bao dứa.

Khi vận chuyển xa trên 1 giờ thì phải dùng xe có thùng chứa được giữ lạnh đảm bảo yêu cầu.

III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến).

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia số 6-3:2010/BYT đối với các sản phẩm đồ uống có cồn.
- Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật an toàn thực phẩm.
- Thông tư 58/2014/TT-BCT ngày 22/12/2014 quy định cấp, thu hồi giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương.
- Tiêu chuẩn nhà sản xuất đính kèm (trong trường hợp chưa có quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, Thông tư của các bộ ngành, Quy chuẩn kỹ thuật địa phương, Tiêu chuẩn quốc gia, Tiêu chuẩn của ủy ban tiêu chuẩn thực phẩm quốc tế (Codex), Tiêu chuẩn khu vực, Tiêu chuẩn nước ngoài).

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Hưng Yên, ngày 06 tháng 7 năm 2026

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Trần Văn Trà

YÊU CẦU KỸ THUẬT CỦA SẢN PHẨM

1. Các chỉ tiêu cảm quan:

- Trạng thái: lỏng
- Màu sắc: màu vàng
- Mùi vị: thơm đặc trưng của sản phẩm được sản xuất từ malt, hoa bia, không có mùi vị lạ.

2. Các chỉ tiêu chất lượng chủ yếu:

2.1 Chỉ tiêu hóa lý

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Hàm lượng chất hòa tan ban đầu tính theo % Plato	% P	8.5 - 12.5
2	Hàm lượng Ethanol tính theo % thể tích ở 20°C	%V/v	3.5 - 5.5
3	Hàm lượng CO ₂	g/l	3.8 - 5.8
4	Hàm lượng Diacetyl	mg/l	0 - 0.15
5	Độ chua tính theo số ml NaOH 0.1N trung hòa 10ml bia không lớn hơn	ml NaOH 0.1N	2.0

2.2 Chỉ tiêu vi sinh

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị	Giới hạn tối đa
1	TSVSVHK	CFU/ml	10 ²
2	E.coli	CFU/ml	0
3	Cl.Perfringens	CFU/ml	0
4	Coliforms	CFU/ml	10
5	S.faecal	CFU/ml	0
6	TSBT NM-M	CFU/ml	10
7	P.aeruginosa	CFU/ml	0
8	S.aureus	CFU/ml	0

2.3 Chỉ tiêu kim loại nặng

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Chì (Pb)	mg/l	0.05
2	Thiếc (Sn) áp dụng với sản phẩm đóng lon	mg/l	150

2.4 Hàm lượng hóa chất không mong muốn: Phù hợp với các quy định: QCVN6-3:2010/BYT. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm đồ uống có cồn của Bộ Y Tế ban hành ngày 03 tháng 6 năm 2010.

Hưng Yên, ngày 06 tháng 7 năm 2026

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Trần Văn Trà



SỞ Y TẾ HƯNG YÊN
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

Cơ sở 1: Đường Hải Thượng Lãn Ông, Phường Phố Hiến, Tỉnh Hưng Yên

Cơ sở 2: Số 113, Đường Nguyễn Tông Quai, Phường Trần Lãm, Tỉnh Hưng Yên

ĐT: 02273.832.639 - Email: khoaxncdchy@gmail.com

Số: 1447 /2026/KQTN-XN

Ngày trả kết quả: 30/06/2026

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

I. Lý lịch mẫu:

Tên mẫu: Bia Over 999

Nhận diện mẫu: TP01/22/06/26

Mô tả mẫu: Mẫu đóng trong lon nguyên vẹn, có nhãn mác

Nơi gửi mẫu: Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hương Sen

Địa chỉ: Số 18 - Phố Trần Thái Tông - Phường Thái Bình - Tỉnh Hưng Yên

Người gửi mẫu: Vũ Văn Quỳnh - Nhân viên công ty

Ngày gửi mẫu: Ngày 22 tháng 06 năm 2026

Mẫu gửi đến phòng thử nghiệm: Ngày 22 tháng 06 năm 2026

Yêu cầu thử nghiệm: 08 chỉ tiêu vi sinh và 05 chỉ tiêu hóa lý



II. Kết quả phân tích:

1. Chỉ tiêu vi sinh:

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử nghiệm	Đơn vị	Kết Quả
1.	TSVSVHK (*)	TCVN 4884-1 : 2015	CFU/ml	KPH
2.	Coliforms (*)	TCVN 6848 : 2007	CFU/ml	KPH
3.	E.coli (*)	TCVN 7924-2 : 2008	CFU/ml	KPH
4.	S.aureus(*)	TCVN 4830-1:2005	CFU/ml	KPH
5.	S. faecalis (*)	3351/2001/QĐ-BYT	CFU/ml	KPH
6.	P.aeruginosa(*)	3347/2001/QĐ-BYT	CFU/ml	KPH
7.	Cl.perfringens(*)	TCVN 4991 : 2005	CFU/ml	KPH
8.	TSBTNM- M(*)	TCVN 8275-1:2010	CFU/ml	KPH

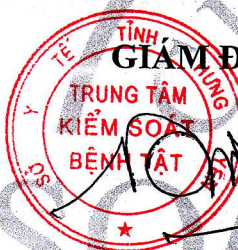
Lưu ý: - Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm

- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Hưng Yên.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- Giải quyết thắc mắc, khiếu nại trong 07 ngày kể từ ngày trả kết quả ghi trên phiếu kết quả kiểm nghiệm
- * Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017
- ** Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ
- *** Chỉ tiêu/phép thử được chỉ định phục vụ quản lý nhà nước

2. Chỉ tiêu hóa lý:

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử nghiệm	Đơn vị	Kết quả
1.	Hàm lượng ethanol (20°C)	TCVN 5562: 2009	% V/v	4,6
2.	Hàm lượng Diacetyl	TCVN 6058: 1995	mg/L	0,10
3.	Hàm lượng chất hòa tan ban đầu	TCVN 5565: 1991	%	11,4
4.	Hàm lượng Carbondioxit	TCVN 5563: 2009	g/L	5,40
5.	Độ chua (số ml NaOH 1N trung hoà 100ml bia)	TCVN 5564: 2009	mL	1,38

Ghi chú: TSVSVHK: Tổng số vi sinh vật hiếu khí
TSBTNM-M: Tổng số bào tử nấm men - mốc
KPH - Không phát hiện



KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
Đỗ Xuân Cáp

TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM
CDHA - TDCN *[Signature]*

[Signature]
Ths. Phạm Thị Thu Hà

Lưu ý: - Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm

- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Hưng Yên.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- Giải quyết thắc mắc, khiếu nại trong 07 ngày kể từ ngày trả kết quả ghi trên phiếu kết quả kiểm nghiệm
- * Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017
- ** Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ
- *** Chỉ tiêu/phép thử được chỉ định phục vụ quản lý nhà nước



Số: 48992/PKN-VKNQG

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM TEST REPORT

(Kết quả kiểm nghiệm chỉ có giá trị với mẫu đem thử)

- Tên mẫu: BIA OVER 999.
- Mã số mẫu: 062611157/DV.1
- Nơi gửi mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HƯƠNG SEN
Địa chỉ: Số 18, Phố Trần Thái Tông, Phường Thái Bình, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
- Ngày nhận mẫu: 24/06/2026
- Số lượng mẫu: 01 mẫu
- Thời gian kiểm nghiệm: 25/06/2026 - 27/06/2026
- Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong lon kim loại, thông tin mẫu đánh máy dán trên lon, 1 L/lon.
Số lượng: 1. NSX: 10/06/2026 - HSD: 10/12/2026.
Nhà sản xuất: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HƯƠNG SEN
- Thời gian lưu mẫu: Không có mẫu lưu
- Kết quả kiểm nghiệm: Các chỉ tiêu Hóa lý

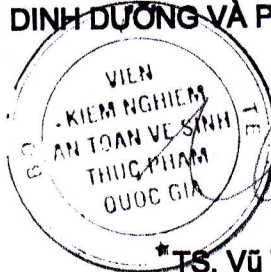
TT	Chỉ tiêu kiểm nghiệm	Phương pháp kiểm nghiệm	Đơn vị	Kết quả
9.1*	Hàm lượng Chì	AOAC 2015.01 (ICP-MS)	mg/L	KPH (LOD: 0,004)
9.2*	Hàm lượng Thiếc	NIFC.03.M.45 (Ref. AOAC 2015.01)	mg/L	KPH (LOD: 0,010)

10. Ghi chú:

- (*) Phép thử được công nhận phù hợp theo yêu cầu của ISO/IEC 17025.
- KPH - Không phát hiện. LOD - Giới hạn phát hiện của phương pháp thử.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả kiểm nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia.
- Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia chỉ chịu trách nhiệm về kết quả kiểm nghiệm của mẫu thử. Các thông tin của mẫu do khách hàng cung cấp và chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính xác thực và độ tin cậy.
- Khách hàng có thể yêu cầu xem xét lại/kiếu nại về kết quả kiểm nghiệm đã nhận trong trường hợp có mẫu lưu và trong thời gian 7 ngày tính từ ngày khách hàng nhận Phiếu kết quả kiểm nghiệm; Không nhận yêu cầu xem xét lại/kiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định.

Hà Nội, ngày 27 tháng 06 năm 2026

TUQ.VIỆN TRƯỞNG
TRƯỞNG KHOA
DINH DƯỠNG VÀ PHỤ GIA THỰC PHẨM



*TS. Vũ Thị Trang

5 mm
LEFT MARGIN

10 mm
NECK

API - 330 ml SLEEK CANS - STANDARD SIZE

182 mm Width

5 mm
RIGHT MARGIN



GERMAN STYLE LAGER
SILVER



Thành phần: Nước, malt đại mạch, ngũ cốc, hoa bia. Độ cồn: 4.5% thể tích.
Bảo quản nơi khô ráo và thoáng mát, tránh ánh nắng mặt trời. Uống ngon hơn ở nhiệt độ từ 8 °C-10 °C.
Cảnh báo: Phụ nữ có thai, đang cho con bú, người dưới 18 tuổi và lái xe không được uống.
UỐNG CÓ KIỂM SOÁT. Ngày sản xuất và hạn sử dụng: Xem dưới đáy lon.

Ingredients: Water, barley malt, cereal, hops. ALC: 4.5% VOL.
Keep in dry and cool place, avoid direct sunlight. Best Served at 8 °C – 10 °C.
Warning: Pregnant or breastfeeding women, people under the age of 18 and drivers should not drink.
CONTROLLED DRINKING. Date of production and expiry: See bottom of can

Made from selected ingredients
Using famous German technology.

ALC. 4.5% VOL.

Thể tích thực
ở 20 °C
330 ml

Sản xuất tại Việt Nam bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HƯƠNG SEN
Địa chỉ: Số 18, Phố Trần Thái Tông, P.Thái Bình, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.
Điện thoại: 0227 3831010 - Website: www.huongsen.com.vn

UỐNG BIA
CÓ TRÁCH NHIỆM



Made in Vietnam

Produced in Vietnam by Huong Sen Group JSC

Add: No. 18 Tran Thai Tong str, Thai Binh ward, Hung Yen province, Vietnam
Tel: +84 227 3831010 - Website: www.huongsen.com.vn



GERMAN STYLE LAGER
SILVER

140 mm
Height

252.4mm

247.4mm

217.5mm

10mm

12mm



Thành phần: Nước, malt đại mạch, ngũ cốc, hoa bia. Độ cồn: 5.0% thể tích.
Bảo quản nơi khô ráo và thoáng mát, tránh ánh nắng mặt trời. Uống ngon hơn ở nhiệt độ từ 8°C - 10°C.
Cảnh báo: Phụ nữ có thai, đang cho con bú, người dưới 18 tuổi và lái xe không được uống.
UỐNG CÓ KIỂM SOÁT. Ngày sản xuất và hạn sử dụng: Xem trên nắp hộp.
Ingredients: Water, barley malt, cereal, hops. ALC: 5% VOL.
Keep in dry and cool place, avoid direct sunlight. Best Served at 8°C - 10°C.
Warning: Pregnant or breastfeeding women, people under the age of 18 and drivers should not drink.
CONTROLLED DRINKING. Date of production and expiry: See on the cap.

Made from selected ingredients
Using famous German technology.

ALC. 5% VOL.

GERMAN STYLE LAGER
SILVER



Thế tích thực
ở 20°C
1000ml

Sản xuất tại Việt Nam bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HƯƠNG SEN
Địa chỉ: Số 18, Phố Trần Thái Tông, P. Thái Bình, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.
Điện thoại: 0227 3831010 - Website: www.huongsen.com.vn

UỐNG BIA
CÓ TRÁCH NHIỆM



Made in Vietnam

Produced in Vietnam by Huong Sen Group JSC
Add: No. 18 Tran Thai Tong str, Thai Binh ward, Hung Yen province, Vietnam
Tel: +84 227 3831010 - Website: www.huongsen.com.vn



GERMAN STYLE LAGER
SILVER

Khuôn in lon 1L